

- Tổng mức thu ngân sách Nhà nước.
- Giao cho Tổng cục Hải quan:
- Tổng mức thu thuế xuất, nhập khẩu.
- Giao cho Ngân hàng Nhà nước:
- Tổng mức vốn tin dụng đầu tư của Nhà nước.

II. Giao cho các tỉnh, thành phố:

1. Đầu tư xây dựng cơ bản:

- Tổng mức và cơ cấu vốn đầu tư của Ngân sách Nhà nước.
- Danh mục, vốn đầu tư một số công trình quan trọng.

2. Tài chính:

- Tổng số thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn (không kể thuế xuất, nhập khẩu do Hải quan thu).
- Tổng số chi ngân sách địa phương.
- Cấp bổ sung từ ngân sách Trung ương (nếu có).

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 68-TTg ngày 23-2-1994 về việc thành lập Đài Khí tượng thủy văn khu vực Tây Nguyên.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 215-CP ngày 5-11-1976 của Hội đồng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Tổng cục Khí tượng thủy văn;

Xét đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng thủy văn và Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Thành lập Đài Khí tượng thủy văn khu vực Tây Nguyên trực thuộc Tổng cục Khí tượng thủy văn trên cơ sở hợp nhất 3 Đài Khí tượng thủy văn Đắc Lắc, Lâm Đồng, liên tỉnh Gia Lai - Kon Tum.

Đài Khí tượng thủy văn khu vực Tây Nguyên là tổ chức sự nghiệp, có tư cách pháp nhân, có

con dấu, có tài khoản riêng, hoạt động bằng kinh phí do Nhà nước cấp.

Trụ sở của Đài đặt tại thị xã Plây-cu, tỉnh Gia Lai.

Điều 2. - Đài Khí tượng thủy văn khu vực Tây Nguyên có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác điều tra cơ bản, dự báo về khí tượng thủy văn, kiểm soát môi trường không khí và nước trong khu vực các tỉnh Tây Nguyên.

Điều 3. - Đài Khí tượng thủy văn khu vực Tây Nguyên có một Giám đốc phụ trách và một số Phó Giám đốc giúp việc. Giám đốc và Phó Giám đốc Đài do Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng thủy văn bổ nhiệm, miễn nhiệm.

Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ cụ thể và biên chế của Đài do Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng thủy văn quy định sau khi có sự thỏa thuận của Bộ trưởng, Trưởng ban Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.

Điều 4. - Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành, các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Tổng cục trưởng Tổng cục Khí tượng thủy văn, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Thủ tướng Chính phủ

VÕ VĂN KIẾT

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 71-TTg ngày 24-2-1994 về việc điều tra lao động - việc làm ở khu vực thành thị.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Để có những thông tin cơ bản phục vụ việc nghiên cứu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng kế hoạch 5 năm (1996 - 2000);

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Tiến hành điều tra về lao động - việc làm ở khu vực thành thị.

Nội dung điều tra gồm:

- Số hộ gia đình và lao động trong độ tuổi lao động;

- Tình trạng lao động: Đủ việc làm, chưa đủ việc làm, chưa có việc làm, trình độ chuyên môn, giới tính;

- Tổng hợp phân tích: Đặc điểm lao động ở thành thị từng vùng, loại hình lao động, khả năng giải quyết việc làm, các biện pháp xử lý số lao động chưa có việc làm.

Điều 2. - Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê chịu trách nhiệm xây dựng phương án, tổ chức thực hiện cuộc điều tra này. Cuộc điều tra bắt đầu từ quý II năm 1994 và công bố kết quả điều tra vào quý III năm 1995.

Điều 3. - Kinh phí cho cuộc điều tra, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổng cục Thống kê bàn thống nhất với Bộ Tài chính và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước để lấy từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm.

Điều 4. - Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 5. - Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

PHAN VĂN KHAI

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH

VÀ XÃ HỘI - TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ liên Bộ số 28-LB/TT ngày 2-12-1993 hướng dẫn bổ sung thực hiện chế độ tiền lương mới đối với công nhân, viên chức trong các doanh nghiệp.

Thi hành Nghị định số 26-CP ngày 23-5-1993 của Chính phủ quy định tạm thời chế độ tiền lương mới trong các doanh nghiệp, liên Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội - Tài chính đã có Thông tư số 12-LB/TT ngày 2-6-1993, Thông tư số 20-LB/TT ngày 2-6-1993 và Thông tư số 21-LB/TT ngày 17-6-1993 hướng dẫn cụ thể việc thực hiện. Đến nay, qua quá trình triển khai thực hiện ở các Bộ, ngành, địa phương còn một số tồn tại vướng mắc cần được giải quyết hợp lý; sau khi có kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 264-TB ngày 29-10-1993 của Văn phòng Chính phủ liên Bộ hướng dẫn bổ sung một số điểm cụ thể như sau:

I. CHUYỂN XẾP LƯƠNG CŨ SANG LƯƠNG MỚI

1. Đối tượng:

a) Bổ sung đối tượng áp dụng chuyển xếp lương mới: Các tổ chức liên doanh trong nước, các doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài theo hợp đồng hợp tác kinh doanh không hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, theo Nghị định số 233-HDBT ngày 22-6-1990 về ban hành quy chế lao động đối với xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và Nghị định số 389-HDBT ngày 10-11-1990 về ban hành quy chế cho thuê nhà, thuê lao động đối với người nước ngoài, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài lưu trú tại Việt Nam.

b) Bổ sung các đối tượng không áp dụng chuyển xếp lương mới như sau:

- Những người đang nghỉ chế độ để về nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động hoặc những người đã nghỉ việc chờ giải quyết bảo hiểm xã hội;

- Những người nghỉ việc chờ giải quyết chế độ thôi việc theo Quyết định số 176-HDBT ngày 9-10-1989;

- Những người nghỉ việc chờ bố trí sắp xếp công tác.

Riêng những người làm việc ở các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác có sử dụng từ 10 lao động trở lên, mức lương thỏa thuận ghi trong hợp đồng lao động phải bảo đảm ít nhất bằng mức lương theo nghề hoặc công việc quy định của Nhà nước.

2. Cách chuyển xếp lương cũ sang lương mới:

Đối với viên chức quản lý (từ trưởng phòng và tương đương trở xuống), viên chức chuyên môn, nghiệp vụ, thừa hành, phục vụ ở các doanh nghiệp đang hưởng bậc lương cao hơn khung chức vụ hoặc cấp bậc quy định tại Nghị định số